

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-10-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trúc Linh
2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công Gi vụ án thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 về việc: “tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1991 “vắng mặt”.
Địa chỉ cư trú: số L, khu P, thị trấn D, huyện G, tỉnh Vĩnh Long.
2. *Bị đơn:* Anh Đinh Minh R, sinh năm 1988 “vắng mặt”.
Địa chỉ cư trú: ấp P, xã R, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.
3. *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1992 “vắng mặt”.
Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện F, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2021 và các lời Gi trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: chị và anh Đinh Minh R thành hôn năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện R, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/7/2009, giấy chứng nhận số 59, quyển 1, sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình

chị. Thời gian chung sống được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo lắng cho vợ con. Hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh R, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh R. Con chung có một người tên Đinh Minh G, sinh ngày 14/12/2007, đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Gi, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh R không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Nguyên đơn và người làm chứng có văn bản xin vắng mặt tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày :

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Lê Thị T và anh Đinh Minh R ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Đinh Minh G, sinh ngày 14/12/2007 cho chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đinh Minh R không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Minh R, địa chỉ: ấp U, xã Y, huyện J, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Đinh Minh R kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 59, quyển 01 ngày 14/7/2009 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo lắng cho vợ con. Xét lời trình bày của chị T phù hợp với lời Gi của người làm chứng và hiện tại vợ chồng đã ly thân, chị T không có tình cảm với anh R nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Đinh Minh R có một con chung Đinh Minh G, sinh ngày 14/12/2007 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét cháu G có nguyện vọng sống với chị T, anh R cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu ly hôn của chị T. Cháu G hiện tại sống với chị T cuộc sống cũng đảm bảo nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T. Anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T là người được nuôi con hiện tại cũng có điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con và anh R không có ý kiến về cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đinh Minh R.

2. Về con chung:

Giao con chung Đinh Minh G, sinh ngày 14/12/2007 cho chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đinh Minh R không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016867 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện J, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Thi hành án dân sự huyện V;
- Ủy ban nhân dân thị trấn X;
- huyện Z, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy kết hôn số 59 ngày 14/7/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong